TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2023/QĐST-HNGĐ	*Hà Nam, ngày 22 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Đức Thủy.

Thư ký phiên họp: Ông Vũ Huy Anh - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 41/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023, những người tham gia tố tụng gồm:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1968; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; nơi ở hiện tại: Căn hộ 166, Nhà 4/1, đường A, Thành phố Mát-xcơ-va, Liên Bang Nga.

- Chị Lưu Thị Q, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Số 230-232, đường N, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

- Người đại diện theo ủy quyền để giao nhận tài liệu tố tụng của anh Nguyễn Hữu C: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ 1, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Phiên họp có mặt chị Q; anh C và chị L đều có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc; nội dung yêu cầu giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu C và chị Lưu Thị Q kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 10 năm 2002 tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Liên Bang Nga. Sau

khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc tại Liên Bang Nga một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, suy nghĩ và quan điểm sống khác nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất khi anh Nguyễn Hữu C phát hiện chị Lưu Thị Q có quan hệ bất chính với người đàn ông khác và có con riêng. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được và thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Hữu C và chị Lưu Thị Q đều xác định vợ chồng có 03 con chung: (1) cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2002; (2) cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2005; (3) cháu Nguyễn Minh D sinh ngày 12 tháng 10 năm 2012. Hiện cháu T và cháu N đang ở Liên Bang Nga cùng anh C còn cháu D đang ở cùng chị Q. Anh chị thống nhất sau khi ly hôn anh C trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Quỳnh N và Nguyễn Minh D đến khi trưởng thành, tự lập; chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu Nguyễn Hữu T trên 18 tuổi và trưởng thành tự lập được nên không cần nuôi dưỡng, cháu ở với ai là quyền của cháu.

Về con riêng: Chị Lưu Thị Q và anh Nguyễn Hữu C đều thừa nhận chị Q có một con riêng là cháu Nguyễn Trí D1, sinh ngày ngày 05 tháng 9 năm 2022; hiện cháu đang ở với chị Q. Khi ly hôn, chị Q tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Anh Nguyễn Hữu C và chị Lưu Thị Q đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Hữu C và chị Lưu Thị Q thỏa thuận anh C nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Tại phiên họp, chị Lưu Thị Q vẫn giữ nguyên quan điểm và không sửa đổi, bổ sung nội dung yêu cầu; đồng thời, xác định cháu Nguyễn Trí D1 không phải là con của anh Nguyễn Hữu C nên không yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ, trách nhiệm đối với cháu Nguyễn Trí D1.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đề nghị Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 điều 35, khoản 1 Điều 37; các Điều 367, 369, 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 123 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu C và chị Lưu Thị Q; về con chung, giao cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/12/2005 và cháu Nguyễn Minh D, sinh ngày 12/10/2012 cho anh Nguyễn Hữu C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi; chị Lưu Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về con riêng, giao cháu Nguyễn Trí D1 sinh ngày 05/9/2022 cho chị Q có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng; anh C không phải đóng góp nuôi con. Lệ phí ly hôn sơ thẩm, chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự; buộc anh C nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự có mặt tại phiên họp và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Hữu C và chị Lưu Thị Q có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; do anh C cư trú tại Liên Bang Nga nên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết việc dân sự là đúng quy định tại khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35 và Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên họp, anh Nguyễn Hữu C và chị Nguyễn Thị L (Đại diện theo ủy quyền của anh C) đều vắng mặt và đã có đơn đề nghị vắng mặt; căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt anh C và chị L theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu C và chị Lưu Thị Q kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 10 năm 2002 ở Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Liên Bang Nga. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ; sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khi anh C phát hiện chị Q có quan hệ bất chính với người đàn ông khác và có con riêng, dẫn đến tình trạng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày một trầm trọng kéo dài và không thể hàn gắn được. Nay, anh Nguyễn Hữu C và chị Lưu Thị Q đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được và cùng yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Hữu C và chị Lưu Thị Q đều xác định vợ chồng có 03 con chung; (1) cháu cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2002, (2) cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2005, (3) cháu Nguyễn Minh D sinh ngày 12 tháng 10 năm 2012. Hiện cháu T và cháu N đang ở Liên Bang Nga cùng anh C còn cháu Dũng đang ở cùng chị Q. Khi ly hôn, anh chị thống nhất, thỏa thuận cháu Nguyễn Hữu T đã trưởng thành và lao động tự lập được nên không cần người chăm sóc, nuôi dưỡng; các cháu Nguyễn Quỳnh N và Nguyễn Minh D do anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung; việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án chấp nhận.

[4] Về con riêng: Chị Lưu Thị Q và anh Nguyễn Hữu C đều thừa nhận chị Q có một con riêng trong thời kỳ hôn nhân là cháu Nguyễn Trí D1, sinh ngày ngày 05 tháng 9 năm 2022; hiện cháu đang ở với chị Q. Khi ly hôn, chị Q tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trí D1 và không yêu cầu anh C phải có trách nhiệm đối với cháu Trí D1; đồng thời, đề nghị Tòa án xác định cháu Nguyễn Trí D1 là con riêng của chị Q không phải con của anh Nguyễn Hữu C là phù hợp với Phiếu kết quả phân tích ADN của Công ty Cổ phần dịch vụ phân tích di truyền - Gentis. Vì vậy, Tòa án xác định cháu Nguyễn Trí D1 là con riêng của

chị Lưu Thị Q không phải là con của anh Nguyễn Hữu C. Yêu cầu chị Lưu Thị Q làm lại các thủ tục pháp lý cho cháu Nguyễn Trí D1 theo quy định.

Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Anh Nguyễn Hữu C và chị Lưu Thị Q đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc anh Nguyễn Hữu C tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; các Điều 37; 39; 149; 361; 367; 369; 370 và Điều 371 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51; 55; 81; 82; 83; khoản 2 Điều 89 và Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu C và chị Lưu Thị Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2005 và cháu Nguyễn Minh D sinh ngày 12 tháng 10 năm 2012 cho anh Nguyễn Hữu C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và lao động tự lập được; chị Lưu Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về con riêng: Xác định cháu Nguyễn Trí D1, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2022 là con riêng của chị Lưu Thị Q; anh Nguyễn Hữu C không phải có nghĩa vụ đối với cháu Nguyễn Trí D1. Yêu cầu chị Lưu Thị Q làm lại các thủ tục pháp lý cho cháu Nguyễn Trí D1 theo quy định.

4. Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự; buộc anh Nguyễn Hữu C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí mà anh C đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000006 ngày 06 tháng 11 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam (Anh C đã nộp đủ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV&THAHS Tòa án tỉnh Hà Nam;
- UBND xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thủy